

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THUẬN CHÂU  
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 27-12-2022

V/v: Ly hôn, nuôi con chung

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUẬN CHÂU, TỈNH SL**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Vũ Văn Nghĩa.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Hà Ngọc Phương, Bà Lý Thị Vinh.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Lan Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh SL.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TC, tỉnh SL tham gia phiên tòa:** Ông Bạc Cẩm Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh SL xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 27/2022/TLST-HNGĐ ngày 07-11-2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05-12-2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2022/QĐST-HNGĐ ngày 21-12-2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2022/QĐST-HNGĐ ngày 23-12-2022; giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lò Thị D, sinh năm 1993. (Có mặt)

2. *Bị đơn:* Anh Tòng Văn P, sinh năm 1993. (Vắng mặt)

Đều trú tại: Bản C, xã LT, huyện TC, tỉnh SL.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Lò Thị D trình bày:**

Chị Lò Thị D và anh Tòng Văn P kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn ngày 12/4/2012 tại Ủy ban nhân dân xã CS, huyện ML, tỉnh SL, kết hôn trên cơ sở tự nguyện không bị ép buộc. Kể từ khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, đến năm 2019 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, mâu thuẫn kéo dài, không tìm được tiếng nói chung, mục đích hôn nhân không đạt được. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay, chị D xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu giải quyết ly hôn với anh Tòng Văn P.

Về con chung: Chị Lò Thị D và anh Tòng Văn P có 02 con chung là cháu Tòng Thị NH, sinh ngày 01/9/2011 và cháu Tòng ĐK, sinh ngày 19/6/2013. Chị D đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Tòng Thị NH và giao cháu Tòng ĐK cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng: Không có.

Về nợ chung: Chị D cam đoan không có nợ chung.

Đối với bị đơn anh Tòng Văn P: Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ các văn bản tố tụng nhiều lần cho bị đơn anh Tòng Văn P để viết bản tự khai, tham gia phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ, tham gia phiên tòa xét xử nhưng anh P vẫn cố tình vắng mặt.

Đương sự không cung cấp thêm chứng cứ cho Tòa án, không có ý kiến gì về các chứng cứ do các đương sự khác xuất trình và không yêu cầu triệu tập đương sự khác, người tham gia tố tụng khác.

Kết quả xác minh tại chính quyền địa phương ngày 05/12/2022: Anh Tòng Văn P và chị Lò Thị D đều làm nông nghiệp và thường trú tại bản C, xã LT, huyện TC, tỉnh SL. Anh Tòng Văn P và chị Lò Thị D đều có đủ khả năng và điều kiện nuôi con.

Ý kiến của cháu Tòng Thị NH, sinh ngày 01/9/2011 (Biên bản ghi ý kiến ngày 29/11/2022): Cháu Tòng Thị NH có nguyện vọng muốn ở với chị Lò Thị D.

Ý kiến của cháu Tòng ĐK, sinh ngày 19/6/2013 (Biên bản ghi ý kiến ngày 29/11/2022): Cháu Tòng ĐK có nguyện vọng muốn ở với anh Tòng Văn P.

**Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện TC phát biểu ý kiến:**

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Kể từ khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án cho đến khi ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã thực hiện các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử tham gia đúng thành phần trong quyết định đưa vụ án ra xét xử, các trình tự của phiên tòa diễn ra theo đúng quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 72, 227 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là đúng quy định pháp luật tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Viện kiểm sát đề nghị áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Về quan hệ hôn nhân: Xử chị Lò Thị D ly hôn anh Tòng Văn P.

Về con chung: Giao cháu Tòng Thị NH, sinh ngày 01/9/2011 cho chị Lò Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc; giao cháu Tòng ĐK, sinh ngày 19/6/2013 cho anh Tòng Văn P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch cho nguyên đơn theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Lò Thị D yêu cầu ly hôn với bị đơn anh Tòng Văn P có hộ khẩu thường trú tại Bản C, xã LT, huyện TC, tỉnh SL. Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh SL thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Tòng Văn P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ ba vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị D và anh Tòng Văn P kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn ngày 12/4/2012 tại Ủy ban nhân dân xã CS, huyện ML, tỉnh SL, kết hôn trên cơ sở tự nguyện không bị ép buộc. Kể từ khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, đến năm 2019 vợ chồng anh P và chị D phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, mâu thuẫn kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh P và chị D đã sống ly thân từ năm 2019, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Tình cảm vợ chồng không còn, chị D yêu cầu ly hôn anh Tòng Văn P.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị D có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải do vợ chồng không thể hòa giải được, đến ngày mở phiên tòa chị D vẫn kiên quyết ly hôn.

Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ các văn bản tố tụng nhiều lần cho bị đơn anh Tòng Văn P để viết bản tự khai, tham gia phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ, tham gia phiên tòa xét xử nhưng anh P vẫn cố tình vắng mặt.

Trên cơ sở xem xét các tài liệu, chứng cứ, bản tự khai và tại phiên tòa cho thấy cuộc sống chung vợ chồng của chị D và anh P không hạnh phúc, mâu thuẫn kéo dài, nguyên nhân do mâu thuẫn gia đình, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, đã sống ly thân được một thời gian dài không ai quan tâm đến cuộc sống của ai dẫn đến tình cảm vợ chồng xa cách, hôn nhân gia đình trở nên bế tắc.

Từ các căn cứ nêu trên cho thấy mâu thuẫn của vợ chồng chị D và anh P đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị Lò Thị D ly hôn với anh Tòng Văn P.

[3] Về con chung: Chị Lò Thị D và anh Tòng Văn P có 02 con chung là cháu Tòng Thị NH, sinh ngày 01/9/2011 và cháu Tòng ĐK, sinh ngày 19/6/2013.

Ý kiến của cháu Tòng Thị NH có nguyện vọng muốn ở với chị Lò Thị D. Ý kiến của cháu Tòng ĐK có nguyện vọng muốn ở với anh Tòng Văn P. Từ khi anh P và chị D sống ly thân đến nay, cháu H ở cùng chị D, còn cháu K sống cùng anh P.

Xét thấy: Ý kiến của cháu Tòng Thị NH có nguyện vọng muốn ở với chị Lò Thị D. Ý kiến của cháu Tòng ĐK có nguyện vọng muốn ở với anh Tòng Văn P. Chị D và anh P đều có công việc ổn định, có thu nhập. Trong thời gian chị D và anh P sống ly thân, anh chị đều đảm bảo sự phát triển tốt về thể chất và học hành cho mỗi cháu. Do đó, cần giao cháu Tòng Thị NH cho chị Lò Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và giao cháu Tòng ĐK cho anh Tòng Văn P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Lò Thị D và anh Tòng Văn P không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Căn cứ Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về tài sản riêng: Không có.

[7] Về nợ chung: Chị D cam đoan không có nợ chung.

[8] Về án phí: Nguyên đơn chị Lò Thị D là người dân tộc thiểu số cư trú ở xã có điều kiện – kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và có yêu cầu miễn án phí. Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch cho chị Lò Thị D. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 6 Điều 15 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39;

khoản 4 Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 6 Điều 15 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lò Thị D được ly hôn anh Tòng Văn P.

2. Về con chung: Giao cháu Tòng Thị NH, sinh ngày 01/9/2011 cho chị Lò Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; giao cháu Tòng ĐK, sinh ngày 19/6/2013 cho anh Tòng Văn P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Lò Thị D và anh Tòng Văn P không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về tài sản riêng: Không có.

6. Về nợ chung: Chị D cam đoan không có nợ chung.

7. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch cho chị Lò Thị D.

8. Về quyền kháng cáo: Chị Lò Thị D được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (27/12/2022).

Anh Tòng Văn P được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh SL;
- VKSND huyện TC (2);
- Chi cục THADS huyện TC;
- UBND xã CS, huyện ML, tỉnh SL;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Vũ Văn Nghĩa**